

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Phong Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đô

2. Bà Lưu Thị Thôi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Mai Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn A – sinh năm 1985

Trú tại: thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

**\* Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng E – sinh năm 1985

Trú tại: khu phố F, phường G, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông A và bà E

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn A trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà E tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi cưới ông bà về chung sống bên gia đình vợ, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên ông xin ra ở riêng thì cha mẹ vợ và vợ không chấp nhận. Sau đó dựng chuyện chửi bới, xỉ nhục và đuổi ông ra khỏi nhà

và bà E nhiều lần viết đơn ly hôn với ông. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể sống chung với gia đình vợ, bà E đã đuổi ông nên ông về nhà cha mẹ ruột sống từ khoảng tháng 9 năm 2018 đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà E.

Về con chung: Ông và bà E có con Nguyễn H, sinh ngày 16/4/2014 và Nguyễn I, sinh ngày 24/9/2017. Từ khi không sống chung bà E là người trực tiếp nuôi các con. Nay ly hôn ông yêu cầu nuôi con Nguyễn H, giao cho bà E nuôi con Nguyễn I, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Ông là bộ đội hiện công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận, ông làm giờ hành chính, thi thoảng ông có trực đêm và đi công tác, tuy nhiên nếu ông nuôi con thì cơ quan sẽ tạo điều kiện cho ông trong việc chăm sóc con cái hoặc người thân trong gia đình sẽ hỗ trợ ông; cũng có lúc ông về nhà tại xã C, cũng có lúc ông ở tập thể tại cơ quan; thu nhập từ lương của ông 10.000.000 đồng/tháng nên ông có đủ điều kiện tài chính để nuôi con. Trong thời gian sống ly thân ông vẫn đến thăm con thường xuyên tại trường học.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng E trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như ông A trình bày là đúng.

Sau khi ông bà cưới xong, ông A tiếp tục đi học tại Hà Nội (từ năm 2011 đến năm 2014), bà ở nhà cha mẹ ruột từ khi có bầu và sinh con cho đến nay. Trong thời gian ông A đi học bà là người chăm sóc con cùng với sự hỗ trợ của cha mẹ bà. Năm 2017 bà sinh con thứ 2, lúc này ông A học xong về công tác tại thị xã Lagi, đến cuối năm 2018 ông chuyển về công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian ông A sống cùng gia đình vợ, cha mẹ bà chưa hề to tiếng, nặng lời với ông. Ông A tự ý về nhà cha mẹ ruột sống không phải do bà đuổi. Bà thừa nhận vợ chồng cũng có lúc to tiếng với nhau nhưng đây là chuyện bình thường xảy ra trong cuộc sống vợ chồng, bà xác định mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng khiến ông A phải làm đơn ly hôn với bà. Bà còn thương yêu ông A, hi vọng có thể hàn gắn để chung sức lo cho các con, nên không đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 02 con như ông A trình bày là đúng. Từ trước đến nay bà là người trực tiếp trông nom, chăm sóc các con. Nếu giả sử ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con, yêu cầu ông A cấp dưỡng cho mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Bà có nghề nghiệp ổn định, thu thập thường xuyên từ lương 7.500.000 đồng/tháng, làm giờ hành chính, đủ điều kiện nuôi 02 con về mọi mặt, bà không đồng ý giao con H cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu ở với mẹ cùng em và ông bà ngoại từ nhỏ đến nay đã ổn định về mọi mặt, bà chăm sóc các con sẽ tốt hơn ông A, vì ông A là bộ đội sẽ không có nhiều thời gian dành cho các con.

Về tài sản chung: Sau khi lấy nhau, ba chồng bà có cho đất để trồng thanh long và vợ chồng bà có mua thêm đất ruộng của anh X(anh ruột ông A) giá 90.000.000 đồng để trồng thanh long ở thôn B, xã C, huyện D. Vợ chồng bà có đầu tư trồng thanh long, bà

có chăm sóc, tưới nước và thuê người làm trong thời gian ông A đi học. Nếu giả sử ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Các khoản chi tiêu cho con cái bà tự lực lo cho các con. Năm 2017 ông A có vay Ngân hàng Liên Việt số tiền 130.000.000 đồng để trả nợ tiền mua đất cho anh X và trồng thanh long trên đất đó. Nếu giả sử ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn A được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng E; giao hai con cho bà E được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung ông A và bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí ông A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng E cư trú tại khu phố F, phường G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà E là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2011, quyền số 01/2011, vào ngày 26 tháng 01 năm 2011.

[3] Ông A cho rằng, trong quá trình chung sống ông và bà E thường xảy ra mâu thuẫn nên hai người đã không sống chung nhà từ khoảng tháng 9 năm 2018, nay không còn tình cảm ông yêu cầu được ly hôn với bà E; ngược lại bà E cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng bà cũng có lúc to tiếng với nhau, không có mâu thuẫn lớn, tuy nhiên hai người không còn sống chung từ tháng 8 năm 2018 đến nay, nay bà còn tình cảm với ông A nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, trong quá trình chung sống ông A và bà E có xảy ra mâu thuẫn là có thật và thực tế cuộc sống vợ chồng đã không còn duy trì từ tháng 9 năm 2018 đến nay, cho thấy mục đích của kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông A được ly hôn với bà E.

[4] Bà E xác định vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng, bà vẫn còn yêu thương ông A nên mong muốn đoàn tụ để con cái không bị tổn thương, tuy nhiên ông A vẫn cương quyết ly hôn và không đồng ý trở về chung sống, bà E không có

giải pháp cụ thể nào để cải thiện tình cảm vợ chồng trong khi hai người đã sống ly thân được khoảng 02 năm. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc khi được xây dựng trên cơ sở tình cảm từ 02 phía. Với thực tế cuộc sống vợ chồng đang sống ly thân như hiện nay thì việc bà E yêu cầu đoàn tụ là không thực hiện được nên ý kiến của bà E không được chấp nhận.

[5] Ông A và bà E có 02 con chung Nguyễn H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2014 và Nguyễn I, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017. Suốt quá trình tham gia tố tụng, ông A chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi con H, giao con I cho bà E nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai, còn bà E yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con, yêu cầu ông A cấp dưỡng cho mỗi con 1.500.000 đồng/tháng.

Xét thấy, ông A và bà E đều có quyền, nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; ông, bà đều có việc làm ổn định, có thu thập thường xuyên, có điều kiện tài chính để nuôi con. Tuy nhiên, xét về tính chất công việc, chỗ ở thì ông A không thuận lợi bằng bà E, ông là bộ đội, thi thoảng phải đi công tác và trực đêm thì việc trực tiếp chăm sóc con sẽ không tốt bằng bà E, hơn nữa từ tháng 9 năm 2018 đến nay bà E là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Do đó, để cuộc sống của các cháu được ổn định, tránh xáo trộn về cuộc sống hàng ngày, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên tiếp tục giao cho bà E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu nuôi con H của ông A không được chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng “... căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng...”. Và khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Xét ông A không trực tiếp nuôi các con ông phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con theo mức cấp dưỡng bà E yêu cầu 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp thu nhập, khả năng thực tế của ông A và nhu cầu thiết yếu của hai con trong giai đoạn hiện nay. Do đó, buộc ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con hàng tháng 1.500.000 đồng cho bà E, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông A và bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Ông A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.  
*Vì những lẽ trên.*

### QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

**2/ Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn A, ông A được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng E.

- **Về con chung:** Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng E được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn H (giới tính nam), sinh ngày 16 tháng 4 năm 2014 và cháu Nguyễn I (giới tính nam), sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017. Buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi cháu hàng tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà E, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- **Về án phí:** Ông Nguyễn Văn A phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0007687 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, ông A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, quyền kháng cáo bản án của các đương sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- Ủy ban nhân dân phường G;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Phong Lan**